



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL



TÀI LIỆU

**HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

THÔNG BÁO MỜI HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ông/ Bà :
- Địa chỉ :
- Số lượng CP sở hữu : **cổ phần**

Hội đồng quản trị **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL** trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty, được tổ chức như sau:

1. Thời gian và địa điểm:

- Vào lúc 09h00 ngày 26/04/2021.
- Tầng 5, tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Nội dung:

Dự kiến thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
- Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
- Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2021.
- Thông qua kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua sửa đổi quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- Thông qua quy trình họp Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thông qua bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty; bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Các nội dung khác (nếu có).

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital theo danh sách cổ đông chốt đến **17h00 ngày 23/03/2021** hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4. Xác nhận tham dự Đại hội:

Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (*theo mẫu Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền đính kèm*) và gửi về Công ty theo: đường bưu điện, fax, trực tiếp đến địa chỉ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital trước **17h00, ngày 20/04/2021**.

5. Đóng góp ý kiến:

Những ý kiến đóng góp về nội dung chương trình Đại hội cũng như các vấn đề sẽ biểu quyết, thông qua tại Đại hội, xin Quý cổ đông vui lòng gửi về Công ty trước **17h00 ngày 20/04/2021**.

6. Tham dự Đại hội:

Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời tham dự Đại hội.
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.
- Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự (*Bản chính*).

7. Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital
- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 3218 1895 --- Fax: (024) 3218 1896

Quý cổ đông vui lòng xem thêm toàn bộ tài liệu và mẫu biểu phục vụ Đại hội trên website của Công ty: <https://www.ecsc.vn/cung-bo-thong-tin-c42/>

Trân trọng kính mời!

TM. BAN TỔ CHỨC HĐQT
CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thị Trang



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội

1. Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital:

Họ tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Số CMND/ Giấy ĐKKD: Ngày cấp: Tại:

Tổng số cổ phần sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

2.1. Ủy quyền cho Ông (Bà):

Số CMND/ Giấy ĐKKD: Ngày cấp: Tại:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số lượng cổ phần ủy quyền: cổ phần (Bằng chữ:)

2.2. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ nộp văn bản này cho Ban tổ chức Đại hội trước trước 17h00, ngày 20/04/2021.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này.

..... ngày tháng năm

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021



CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN EUROCAPITAL

- Địa điểm: Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian: 09h00 ngày 26/04/2021

Thời gian	STT	Nội dung Đại hội	Phụ trách
8h30 – 9h00		Đón khách và phát tài liệu cho cổ đông	Lễ tân
		PHẦN I. THỦ TỤC KHAI MẠC	
9h00	1	Tuyên bố lý do – Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự	MC
9h05	2	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ	Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông
9h05 – 9h10	3	Giới thiệu và thông qua:	
	a.	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	MC
	b.	Biểu quyết thông qua thành phần Ban chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	MC
		PHẦN II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
9h10 – 9h15	4	Phát biểu khai mạc Đại hội	Ban chủ tọa
9h15 – 9h20	5	Thông qua Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên 2021	Ban chủ tọa
9h20 – 9h50	6	Các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc tại Đại hội	
	b.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Chủ tịch HĐQT
	a.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	Trưởng BKS
	c.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021	Ban Tổng giám đốc

Thời gian	STT	Nội dung Đại hội	Phụ trách
9h55 – 10h15	7	Các tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan	
	a.	Tờ trình về việc thông qua báo cáo của HĐQT, BKS, BTGD	Chủ tịch HĐQT
	b.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	Chủ tịch HĐQT
	c.	Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021	Chủ tịch HĐQT
	d.	Tờ trình thông qua kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021	Chủ tịch HĐQT
	e.	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Chủ tịch HĐQT
	f.	Tờ trình thông qua sửa đổi quy trình kiểm tra, kiểm soát của BKS và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BKS	Trưởng BKS
	g.	Tờ trình thông qua quy trình họp ĐHĐCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT	Chủ tịch HĐQT
	h.	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Chủ tịch HĐQT
	i.	Tờ trình thông qua bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty; bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Chủ tịch HĐQT
10h15 – 10h45	8	Đại hội thảo luận	Toàn thể Đại hội
10h45 – 10h55	9	Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình	Ban chủ tọa
10h55 – 11h15	10	Kiểm phiếu và nghỉ giải lao	Ban kiểm phiếu
11h15 – 11h30		PHẦN III. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI	
	11	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
	12	Thông qua Biên bản Đại hội	Ban thư ký
	13	Thông qua Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
	14	Phát biểu tổng kết Đại hội	Ban chủ tọa

**TMBAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hà Thị Trang



Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là "Đại hội") của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, người tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội; quy định về điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội, thể thức biểu quyết công khai.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội phải ăn mặc chỉnh tề.
2. Cổ đông khi tham dự phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài phòng Đại hội).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Có quyền phát biểu trực tiếp tại hội trường hoặc ghi ý kiến vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết; ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
3. Khi có nhu cầu phát biểu trực tiếp tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; khi được mời phát biểu phải nêu rõ tên và trình bày nội dung cần phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, đúng trọng tâm phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.
4. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận thẻ biểu quyết công khai, phiếu biểu quyết và các tài liệu khác (nếu có).
 - a) Thẻ biểu quyết: dùng để biểu quyết theo hình thức giơ thẻ trực tiếp tại Đại hội các nội dung như: thông qua Ban chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; thông qua quy chế làm việc; thông qua Biên bản họp của Đại hội và các nội dung khác theo điều hành của chủ tọa.
 - b) Phiếu biểu quyết: dùng để biểu quyết theo hình thức cho ý kiến vào phiếu biểu quyết về các nội dung được báo cáo và trình tại Đại hội;
5. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn được tham dự và tham gia biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm đình Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
6. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:
 - a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;

- b) Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
 - c) Phát thẻ biểu quyết công khai, phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - d) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Ban chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - a) Thông báo nội quy làm việc của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết công khai và phiếu biểu quyết các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín;
 - c) Tiến hành thu thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết sau khi Đại hội biểu quyết;
 - d) Tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề.
2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và thư ký Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban chủ tọa để điều khiển Đại hội.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - a) Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - b) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp
 - c) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
 - d) Có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:



- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- e) Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
- f) Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phân quyết cao nhất;
3. Ban thư ký có trách nhiệm:
- a) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
 - b) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông;
 - c) Soạn thảo biên bản cuộc họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
 - d) Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Trình tự tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/03/2021.
2. Cách thức tiến hành Đại hội:
 - a) Đại hội sẽ thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình ĐHĐCĐ;
 - b) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (nếu có).
 - c) Có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát;

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
 - Tờ trình về việc thông qua báo cáo của HĐQT, BKS, BTGD;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
 - Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
 - Tờ trình thông qua kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2021.
 - Tờ trình thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Tờ trình thông qua sửa đổi quy trình kiểm tra, kiểm soát của BKS và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;
 - Tờ trình thông qua quy trình họp ĐHĐCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT;
 - Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
 - Tờ trình thông qua bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty: bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- e) Các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- f) Các nghị quyết có nội dung sau đây được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
- Loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
- g) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:



- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
 - Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ: tất cả các nội dung tại cuộc họp phải được ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ theo quy định.
 4. Để đảm bảo tỷ lệ phiếu bầu, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài thì phải thực hiện thủ tục ủy quyền cho Chủ tọa đoàn thay mặt cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, trong trường hợp không thực hiện ủy quyền thì xem như mặc nhiên đồng ý cho Chủ tọa đoàn biểu quyết thay mình tại Đại hội.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội

1. Tất cả các vấn đề chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng thẻ biểu quyết trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín. Thẻ biểu quyết ghi thông tin về cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết...
2. Cổ đông, đại diện Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
3. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết công khai. Đối với các vấn đề thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín, cổ đông ghi ý kiến của mình vào phiếu biểu quyết, ký tên và bỏ vào thùng phiếu.
4. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết đồng ý, sau đó xác định số phiếu biểu quyết không đồng ý, cuối cùng xác định số phiếu biểu quyết không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không ghi ý kiến của mình vào phiếu biểu quyết, phiếu đó được xem là không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Biên bản họp Đại hội

Nội dung cuộc họp Đại hội phải được lập biên bản và được đọc trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

CHƯƠNG IV: HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương, 12 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỌA**

Hà Thị Trang





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

TÊN CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN:

TT	NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo của HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo của BKS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo của Ban TGD	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Sửa đổi quy trình kiểm tra, kiểm soát của BKS và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BKS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Quy trình họp ĐHĐCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty; bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

CÓ ĐÔNG KÝ TÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

TÊN CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN:

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM
2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021****I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020**

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, tổng doanh thu của ECC đạt hơn 522 triệu đồng không đạt so với kế hoạch năm 2020 đề ra và tăng hơn so với tổng doanh thu thực tế của năm 2019; tổng chi phí hơn 5,73 tỷ đồng và giảm so với kế hoạch. Vì vậy năm 2020 Công ty đang lỗ hơn 5,2 tỷ đồng.

Trong năm 2020, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty cũng đã chú trọng trong việc xây dựng và ban hành các quy trình quy chế nhằm tăng cường năng lực quản trị và nâng cao chất lượng phục vụ các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

DVT: đồng

Khoản mục	Kế hoạch 2020	Kết quả 2020
Tổng doanh thu	11.270.000.000	522.231.765
Tổng chi phí	9.140.000.000	5.737.873.282
Lợi nhuận trước thuế	2.130.000.000	(5.215.641.517)

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% Biến đồng
Tổng doanh thu	522.231.765	492.343.147	6,1%
Tổng chi phí	5.737.873.282	7.334.906.055	(21,8)%
Lợi nhuận trước thuế	(5.215.641,517)	(6.842.562.908)	(23,8)%
Lợi nhuận sau thuế	(5.215.641,517)	(6.842.562.908)	(23,8)%



II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ
1	Bà Hà Thị Trang	-	0,0%	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hồ Việt Anh	-	0,0%	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Ngọc Linh	980.000 CP	4,9%	Thành viên HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Công ty không có sự thay đổi về nhân sự nào trong Hội đồng quản trị (HĐQT). Các thành viên HĐQT không nhận thù lao theo đúng nội dung đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng, theo đúng pháp luật và Điều lệ quy định, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định.

- HĐQT đã chỉ đạo và theo sát ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 23/04/2020. HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra.

- Theo dõi, cập nhật tình hình tài chính, quản lý điều hành của Công ty thông qua các báo cáo từ ban Tổng Giám đốc.

- HĐQT đã thực hiện tốt chế độ họp theo quy định, tham gia đầy đủ và theo yêu cầu về năng cao tính quản trị đối với các hoạt động của Công ty. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất nhằm thông qua các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể:

STT	Số văn bản	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	Tổng kết tình hình hoạt động Công ty Quý IV/2019 và kế hoạch Quý I/2020
2	02/2020/NQ-HĐQT	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty
3	03/2020/NQ-HĐQT	Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

STT	Số văn bản	Nội dung
4	04/2020/NQ-HDQT	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	05/2020/NQ-HDQT	Tổng kết tình hình hoạt động Công ty Quý I/2020 và kế hoạch Quý II/2020
6	06/2020/NQ-HDQT	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
7	06-01/2020/NQ-HDQT	Tổng kết tình hình hoạt động Công ty Quý II/2020 và kế hoạch Quý III/2020
8	07/2020/NQ-HDQT	Tổng kết tình hình hoạt động Công ty Quý II/2019 và kế hoạch Quý III/2019
9	08/2020/NQ-HDQT	Miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh trong Ban Tổng Giám đốc Công ty
10	09/2020/NQ-HDQT	Tổng kết tình hình hoạt động Công ty Quý III/2020 và kế hoạch Quý IV/2020
11	09/2020/NQ-HDQT	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty



- HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành tập trung rà soát đánh giá lại và xây dựng hệ thống giao dịch chứng khoán đảm bảo phòng ngừa và hạn chế tối đa rủi ro kinh doanh.
 - HĐQT thường xuyên thảo luận và thống nhất các định hướng phát triển cho ECC, chỉ đạo Ban điều hành ECC thực hiện các hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy đảm bảo hiệu quả hoạt động, vì lợi ích của cổ đông, kiểm soát và hạn chế rủi ro, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty thường xuyên về các mặt hoạt động kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn của Công ty.
 - HĐQT theo dõi và cập nhật thường xuyên tình hình hoạt động của Công ty thông qua việc trao đổi với Ban Tổng giám đốc, đánh giá tính khả thi của các kế hoạch.
 - HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh, đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có*
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có*

2. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và người quản lý khác:

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế hoạt động, HĐQT giao cho Ban điều hành quyết định các công việc kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh do HĐQT giao.

Thông qua việc kiểm tra, giám sát báo cáo định kỳ, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban điều hành đã nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro tốt như: tư vấn hiệu quả; quản lý tài sản của Nhà đầu tư tách bạch; không phát sinh nợ xấu; ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực...

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Eurocapital đề ra những kế hoạch sẽ thực hiện trong năm 2021 như sau:

- Tập trung hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.
- Tiếp tục bám sát tình hình hoạt động của Công ty và từ đó đưa ra các chiến lược phù hợp hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty.
- Tiếp tục định hướng Công ty theo sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động kinh doanh chính ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Đặc biệt cùng Ban Tổng giám đốc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh.
- Mục tiêu năm 2021, Công ty sẽ tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động, tuân thủ các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc phát huy thế mạnh những sản phẩm, dịch vụ hiện có.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thị Trang



Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	-	0,0%	Trưởng ban
2	Bà Trần Thị Mỹ	980.000 CP	4,9%	Thành viên
3	Bà Lâm Thị Tuyết Ngân	980.000 CP	4,9%	Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:

- Công ty không có sự thay đổi về nhân sự nào trong Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát không nhận thù lao theo đúng nội dung đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Tổ chức cuộc họp theo đúng quy định của Pháp luật và tham gia đầy đủ. Thông qua cuộc họp Ban kiểm soát đã đánh giá đầy đủ và toàn diện về tình hình hoạt động Công ty đồng thời đưa ra các kiến nghị cần thiết.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp với Ban điều hành để thực hiện đánh giá tình hình và kiểm soát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra.
- Kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo đúng quy định của Pháp luật.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty.



3. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, trong năm 2020 Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital đã tiến hành giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HDQT) gồm 03 thành viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ
1	Bà Hà Thị Trang	-	0,0%	Chủ tịch
2	Ông Hồ Việt Anh	-	0,0%	Thành viên
3	Ông Nguyễn Ngọc Linh	980.000 CP	4,9%	Thành viên

- HDQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các cuộc họp do Chủ tịch HDQT chủ trì, các thành viên HDQT đều tham gia đầy đủ. Các cuộc họp của HDQT luôn đạt được sự nhất trí cao của các thành viên. HDQT đã bám sát thực tế hoạt động của Công ty để ban hành các Nghị quyết định hướng cho hoạt động điều hành.
- Các vấn đề thảo luận trong các cuộc họp HDQT và các quyết định của HDQT phù hợp với chức năng và quyền hạn của HDQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát đã được HDQT cung cấp các Biên bản họp, Nghị quyết HDQT kịp thời và đầy đủ.

b) Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc có sự thay đổi nhân sự như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Sơn	Tổng Giám đốc	13/11/2020	
Ông Đoàn Năng Tuấn	Tổng Giám đốc	01/09/2020	13/11/2020
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	12/08/2020	01/09/2020
Ông Ngô Trung Dũng	Tổng Giám đốc		01/09/2020
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc		03/02/2020

Về hoạt động kinh doanh:

Kiểm soát các chi phí, quy trình nghiệp vụ ở tất cả các bộ phận theo đúng quy định của Công ty. Kiểm tra các báo cáo tài chính quý và năm, các báo cáo thuế; đồng thời, làm việc với công ty kiểm toán để xem xét các vấn đề trọng yếu.

- Về tổ chức phân công và đôn đốc công việc:

Hàng tháng trong các cuộc họp do Tổng Giám đốc chủ trì đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty với các phòng ban. Đồng thời, Tổng Giám đốc có báo cáo với HĐQT về tình hình hoạt động hàng quý.

Nhìn chung, bộ máy lãnh đạo Công ty đang vận hành trôi chảy, tất cả CBCNV đều nghiêm chỉnh chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, cố gắng hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát đã được Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu theo yêu cầu.

c) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Khoản mục	Một số chỉ tiêu cơ bản:		DVT: đồng
	Năm 2020	Năm 2019	
Tổng doanh thu	522.231.765	492.343.147	
Tổng chi phí	5.737.873.282	7.334.906.055	
Lợi nhuận trước thuế	(5.215.641.517)	(6.842.562.908)	

d) Kết quả thẩm định báo cáo tài chính 2020

Căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Một số chỉ tiêu cơ bản:		DVT: đồng
	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	140.266.597.510	145.668.919.891	(3,7)%
Tổng nợ phải trả	298.388.940	485.069.804	(38,5)%
Vốn chủ sở hữu	139.968.208.570	145.183.850.087	(3,6)%
Doanh thu hoạt động	105.262.743	393.883.826	(73,3)%
Lợi nhuận trước thuế	(5.215.641.517)	(6.842.562.908)	(23,8)%
Lợi nhuận sau thuế	(5.215.641.517)	(6.842.562.908)	(23,8)%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(261)	(342)	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (*)	438,50	277
+ Hệ số thanh toán nhanh (**)	437,48	275,66



<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,0021	0,0033
+ Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,0021	0,0033
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho (***)		
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,00075	0,0027
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	(49,55)	(17,37)
+ Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	(0,0372)	(4,70)
+ Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	(49,55)	(17,31)
+ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	(0,0373)	(4,71)

Ghi chú:

(*) = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn

(**) = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn

(***) = Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân

e) Kết quả thẩm định báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2020

Thực hiện nhiệm vụ thẩm định Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty, Ban kiểm soát đã thống nhất xác nhận kết quả như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.167.120
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	3.151.577
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	17.004.318.697
5	Vốn khả dụng	130.279.856.503
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	766,16%

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập phù hợp với quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài Chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là **766,16%** đạt yêu cầu theo quy định.

Kết luận: Các báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được lập đúng thời hạn, tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành và công bố thông tin đúng quy định của pháp luật.

Các báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên đều được chấp thuận toàn phần.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

- Trong năm 2020, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động Công ty.
- Các thông tin cần thiết; các báo cáo, biên bản, nghị quyết đều được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời.
- Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa kịp thời, đảm bảo tuân thủ đúng quy định Pháp luật và vì lợi ích phát triển của Công ty.
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và các cổ đông được thực hiện thông qua báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra khi có yêu cầu của các cổ đông phù hợp với quy định và Điều lệ Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021 :

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cần trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, tài sản... của Công ty.
- Xem xét các kế hoạch – báo cáo về tình hình kinh doanh và các phương án phát triển của Công ty để có những đóng góp ý kiến kịp thời với Công ty. Tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành trong việc giám sát tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.
- Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Duy trì sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trong Công ty.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những điểm tích cực

- Nhìn chung, Ban kiểm soát đánh giá rằng hoạt động của Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật, các quy định của cơ quan nhà nước, Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát đã kiểm tra, làm việc và thống nhất với Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 do Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn UHY phát hành.



2. Những điểm cần lưu ý khác phục

- Xem xét việc nâng cấp hệ thống thông tin nhằm hỗ trợ tích cực hơn cho quá trình hoạt động, kiểm soát nội bộ cũng như hệ thống kế toán quản trị.
- Nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro trong Công ty.
- Cần nỗ lực hơn nữa để đáp ứng mức độ cạnh tranh, biến động khắc nghiệt của thị trường chứng khoán.

3. Một số kiến nghị

- Năm 2021 có thể xem là cột mốc rất quan trọng trong việc tạo đà phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo. Vì vậy, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị cần hoạch định những chiến lược phát triển rõ ràng và tăng cường chỉ đạo sâu sát việc thực hiện các chiến lược, các mục tiêu đã đề ra.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục rà soát lại hệ thống văn nội bộ, các quy trình hoạt động phù hợp với quy định và thực tế tại Công ty; kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao tính ổn định và an toàn trong giao dịch.
- Ban lãnh đạo Công ty cần xem xét các yếu tố rủi ro trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược kinh doanh; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, quản trị rủi ro; thường xuyên đào tạo và cập nhật những quy định mới; tăng cường quản lý các giao dịch của khách hàng, các dịch vụ chứng khoán.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Mỹ Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Về kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021

I. Kết quả hoạt động năm 2020

1. Về nhân sự của Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Sơn	Tổng Giám đốc	13/11/2020	
Ông Đoàn Năng Tuấn	Tổng Giám đốc	01/09/2020	13/11/2020
Ông Ngô Trung Dũng	Tổng Giám đốc		01/09/2020
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	12/08/2020	01/09/2020
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc		03/02/2020

2. Kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ, chức năng và nhiệm vụ của mình theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra.

Tham gia các cuộc họp với các phòng ban; thông qua cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty và đề xuất những giải pháp, chính sách phù hợp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền, công bố thông tin đúng thời hạn và quy định.

Nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong Công ty thông qua việc ban hành các quy trình, quy định cần thiết.

II. Kết quả kinh doanh năm 2020

1. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020:

Năm 2020, chỉ số VN-Index vượt 1.100 điểm, đạt 1.103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019; chỉ số HNX-Index tăng gần 119% so với thời điểm cuối quý 1/2020 và tăng 98,1% so với cuối năm 2019. Nhờ đó, thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.

Số liệu thống kê cũng cho thấy, quy mô thị trường cổ phiếu vượt mục tiêu Chính phủ đề ra cho đến năm 2020 và thị trường trái phiếu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra. Thị trường trái phiếu có 477 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.388 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cuối năm 2019 (tương đương 23% GDP).

Một điểm ấn tượng khác là thanh khoản của thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục. Điều này phần nào cho thấy sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Cụ thể, giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019. Thanh khoản trên thị trường trái phiếu tiếp tục tăng trưởng mạnh, bình quân đạt trên 10.393 tỷ đồng/phiên, tăng 13% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, số liệu thống kê cũng cho thấy, số lượng tài khoản nhà đầu tư mở mới trong năm cũng tăng mạnh. Cụ thể, số tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới năm 2020 đạt 393.659 tài khoản, tăng 94% so với số lượng tài khoản mở mới trong năm năm 2019, khối ngoại mở mới 2.856 tài khoản. Như vậy, lũy kế tới hết tháng 12/2020, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019.

Thị trường chứng khoán phải sinh tiếp tục đóng vai trò phòng vệ rủi ro hiệu quả, có tác dụng ổn định tâm lý nhà đầu tư. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 156.852 hợp đồng/phiên, tăng 77% so với bình quân năm 2019. Tính tại thời điểm 31/12/2020, khối lượng mở OI toàn thị trường đạt 40.339 hợp đồng, tăng 143% so với cuối năm 2019.

2. Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động Công ty năm 2020

a. Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thuận lợi cho việc phát triển mạng tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Bộ máy tổ chức tập trung, tinh gọn, đa năng, hiệu quả với mục tiêu phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu Công ty và các bộ phận.
- HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh; đồng thời đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hệ thống văn bản, quy trình quy chế từng bước được hoàn thiện nhằm tăng cường tính minh bạch, quản trị rủi ro và hiệu quả trong điều hành hoạt động Công ty.

b. Khó khăn:

- Việc cạnh tranh trong lĩnh vực môi giới diễn ra gay gắt, thị phần môi giới, lĩnh vực tư vấn tài chính tập trung vào nhóm vào nhóm các công ty có tên tuổi trên thị trường.

- Quy mô vốn hoạt động của Công ty còn nhiều hạn chế, vì vậy chưa triển khai được nhiều dịch vụ tiện ích cho Nhà đầu tư, gặp nhiều khó khăn nên thị phần còn thấp so với nhiều công ty cùng ngành khác

- Các thay đổi về chính sách với hoạt động của công ty chứng khoán ngày càng theo hướng thắt chặt, ảnh hưởng đến việc phát triển các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2020

Nội dung	Năm 2020	Năm 2019	Thay đổi năm 2020 so với năm 2019	Biến động (%)
DT hoạt động và DT hoạt động tài chính	522.231.765	492.279.933	29.951.832	6,1
Chi phí hoạt động	745.956.663	723.239.464	22.717.199	3,1
Chi phí quản lý	4.991.916.619	6.587.124.934	(1.595.208.315)	(24,2)
Chi phí khác		24.541.657	(24.541.657)	(100)
Lợi nhuận sau thuế	(5.215.641.517)	(6.842.562.908)	1.626.921.391	(23,8)



Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 lỗ là do doanh thu thấp hơn chi phí hoạt động và quản lý.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ, giảm 23,8 % so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí quản lý năm 2020 giảm 24,2 %, trong khi đó doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính tăng 6,1% so với cùng kỳ năm ngoài.

- Doanh thu hoạt động + Doanh thu hoạt động tài chính là 522.231.765 đ tăng 6,1% so với cùng kỳ năm ngoài là do phát sinh doanh thu chủ yếu từ hoạt động môi giới, lưu ký, lãi tiền gửi.

- Chi phí hoạt động là 745.956.663 đ tăng 3,1% so với cùng kỳ năm ngoài do chi phí nghiệp vụ môi giới và lưu ký chứng khoán tăng.

- Chi phí quản lý là 4.991.916.619 đ giảm 24,2% so cùng kỳ năm ngoài là do đa phần chi phí dịch vụ mua ngoài giảm.

Tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
 - + Khả năng thanh toán nhanh: 437,48 lần
 - + Khả năng thanh toán hiện hành: 470,08 lần
 - + Tài sản dài hạn/tổng tài sản: 6,72 %
 - + Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản: 93,28 %
 - + Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 0,21 %
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 99,79 %
 - + ROE: (3,73) %
 - + EPS: (261) đồng/CP
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo
 - + Tổng tài sản: 140,266 tỷ
 - + Tổng nợ phải trả: 0,298 tỷ
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 139,968 tỷ.

III. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

1. Định hướng chiến lược năm 2021 của Công ty:

Để bắt kịp xu hướng phát triển chung của thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, Công ty cũng cần nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh với các bước kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

- **Đẩy mạnh nghiệp vụ môi giới:** đưa ra các chương trình nhằm thu hút nhà đầu tư mở tài khoản; cải tiến hệ thống phần mềm hướng tới hệ thống giao dịch vận hành thông suốt, không bị ngắt quãng ảnh hưởng tới giao dịch.
- **Tổ chức tham dự, học tập nghiên cứu các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, khả năng của cán bộ, nhân viên trong công ty, giúp hoàn thiện tốt công việc hiện tại và trong tương lai.**
- **Chính sách phát triển:** ban lãnh đạo đề cao trách nhiệm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để trao trọng trách. Sự đóng góp của nhân viên được khích lệ, động viên kịp thời và xứng đáng dưới hình thức vật chất và tinh thần. Các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn được truyền đạt đến từng nhân viên nhằm triển khai và phát huy tối đa hiệu quả của từng cá nhân và tập thể.
- Công ty tập trung phát triển mạnh mẽ mảng tư vấn, bằng cách tiếp tục triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống đồng thời chú trọng khai thác mảng tư vấn khác.

- Mở rộng các hình thức tiếp cận, marketing đến các khách hàng cá nhân, tổ chức tiềm năng các sản phẩm, dịch vụ của công ty hiện có.
- Nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch để phù hợp với những thay đổi từ Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán tạo điều kiện thuận lợi, tiện dụng nhất dành cho khách hàng khi giao dịch.
- Luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với tình hình.
- Công ty sẽ phát triển và giữ vững thị phần ở mức ổn định, hoạt động an toàn hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ và đa dạng hóa các dịch vụ.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Tổng doanh thu: 15 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 12,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 2,3 tỷ đồng.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BTGD; BKS
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Sơn



TỜ TRÌNH

(V/v thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
3. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thị Trang

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

Thực hiện ủy quyền trong nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Trong đó có một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Tổng tài sản	140.266.597.510
Trong đó	Tài sản ngắn hạn	130.844.611.129
	Tài sản dài hạn	9.421.986.381
2	Vốn chủ sở hữu	139.968.208.570
3	Nợ phải trả	298.388.940
4	Doanh thu hoạt động	105.262.743
5	Chi phí hoạt động	745.956.663
6	Doanh thu hoạt động tài chính	416.969.022
7	Chi phí quản lý	4.991.916.619
8	Thu nhập khác	0
9	Chi phí khác	0
10	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.215.641.517)
11	Lợi nhuận kế toán sau thuế	(5.215.641.517)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thị Trang

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua việc lựa chọn các công ty kiểm toán thực hiện báo cáo tài chính năm 2021 của ECC như sau:

Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty chứng khoán năm 2021.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp, cạnh tranh.
- Đáp ứng tiến độ và quy mô kiểm toán của ECC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán theo tiêu chí lựa chọn trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thị Trang

Số: **04** /2021/TT-ECC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về Kế hoạch chi trả thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2021)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua kế hoạch chi trả thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2021 như sau:

- Hội Đồng Quản Trị không nhận thù lao trong năm 2021.
- Ban Kiểm Soát không nhận thù lao trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thị Trang

TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính thông qua ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều lệ mới được xây dựng trên cơ sở tham chiếu với Điều lệ cũ; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 hiện hành; thực hiện theo Thông tư 121/2020/TT-BTC được thông qua ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán và tình hình thực tế của Công ty.

Các nội dung trọng yếu sửa đổi, bổ sung của Điều lệ chi tiết như sau: (Nội dung Điều khoản lấy theo Điều lệ cũ)

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.</p> <p>- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.</p>	<p>Các văn bản pháp luật mới ban hành có hiệu lực thay thế các văn bản pháp luật cũ</p> <p>Tương tự sửa đổi tương ứng Điểm c, d Khoản 1 Điều 1</p>



Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.</p> <p>- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital số 01/2020/NQ-DHĐCD ngày 23/04/2020.</p>	<p>- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital số 01/2021/NQ-DHĐCD ngày 26/04/2021.</p>	
Khoản 1 Điều 1		<p>l. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.</p> <p>k. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</p> <p>l. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.</p>	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành
Khoản 1 Điều 8	e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên		Bổ để phù hợp với tình hình thực tế Công ty
Khoản 2 Điều 15		<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 1 Điều 18		<p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy</p>	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
		bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
Khoản 1 Điều 18	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:</p> <p>Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.</p> <p>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. <p>Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p> <p>Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối 	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

SỐ
ĐƠN
CỐ F
ỨNG
JAOE
KIẾN

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, Mục đích kiểm tra</p>	<p>với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
<p>Khoản 1 Điều 18</p>	<p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</p>
<p>Khoản 2 Điều 18</p>	<p>b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.</p>	<p>b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 116 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</p>

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
Khoản 3 Điều 18	Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 117 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 4 Điều 18	Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.	Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 118 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 19		<p>5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>6. Cổ đông phổ thông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi</p>	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
		ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.	
Điều 22	e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 22		f. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 22	Quyết định mua lại trên 05% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại. Đối với cổ phần phổ thông Công ty chỉ được mua lại không quá 10%;	Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 22		l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ (nếu có); quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; n. Phê duyệt danh sách cty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành; tình hình thực tế tại Công ty
Khoản 2 Điều 23	c. thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty	c.thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 2 Điều 24	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: (điểm a, b, c, d, e, f, g, h)	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
Điều 24		3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành
Điều 24	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 24		6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHDCĐ chấp thuận	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 1 Điều 25	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 2 Điều 25	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành



Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
	cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết	hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên	
Khoản 2 Điều 26		Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: (điểm a, b, c, d)	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 5 Điều 26	Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến	Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 9 Điều 26	Các trường hợp chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm hoặc thay đổi địa điểm họp:.....	Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:..... b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 10 Điều 26	Bầu thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp trong trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này: Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này	Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 26		11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
		nghịp	
Điều 27	<p>3.c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty</p> <p>5. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</p> <p>7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>3.e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p> <p>5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành:</p> <p>g. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty</p> <p>i. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành



Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
		Điều 29: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 30		2. Biên bản họp bao gồm các nội dung chủ yếu sau:....	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 31	<p>e. Quyết định mua lại đến 5% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p> <p>p. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua, trình tự, thủ tục để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty</p>	<p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>p. Xây dựng và thông qua quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành; tính hình thực tế tại Công ty
Khoản 1 Điều 32	Trong đó, số lượng của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là 1/3 thành viên		Bổ để phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty
Điều 33	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị		Bổ để phù hợp với thực tế tại Công ty

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
Khoản 1 Điều 35	Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần	Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 37	Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị		Bổ vi Thông tư 121/2020/TT-BTC đã có
Khoản 2 Điều 38		Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Khoản 5 Điều 39	Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty (Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn Điều lệ).		Bổ để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 41	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng giám đốc 3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro: điểm a, b, c, d	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc	Sửa đổi để phù hợp với Thông tư 121/2020/TT-BTC
Điều 42	3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số 4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số 4. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

G T
 H A P
 K H O
 A P T I
 1.1

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
Điều 43		<p>i.c. rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông</p> <p>j. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát</p> <p>2.a. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty</p>	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
Điều 45	4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác	<p>2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác</p>	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
		Điều 46: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
	<p>Chương IV. Xử lý mối quan hệ với các đối tác liên quan</p> <p>Chương V. Quản lý tài chính, kế toán</p> <p>Chương VI. Giới hạn thời gian hoạt động, tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty</p>	<p>Chương IV. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>Chương V. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người điều hành khác</p> <p>Chương VI. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty</p> <p>Chương VII. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính, chế độ kế toán</p>	Sửa đổi và bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, tình hình hoạt động của Công ty

Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh lý do sửa đổi/bổ sung
		Chương VIII. Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và trách nhiệm công bố thông tin Chương IX. Kiểm toán Công ty Chương X. Phân phối lợi nhuận Chương XI. Dấu của Công ty Chương XII. Giải thể Công ty	

Ngoài ra còn một số nội dung sửa đổi khác để thống nhất các quy phạm cũng như các nội dung sửa đổi về cấu chữ, cách đánh số. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực ngay sau khi Đại hội thông qua và thay thế cho Điều lệ cũ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Thị Trang



TỜ TRÌNH

(Về sửa đổi quy trình và ban hành quy chế của Ban kiểm soát)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua việc sửa đổi bổ sung quy trình và ban hành quy chế của Ban Kiểm soát chi tiết như sau:

1. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Sửa đổi Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát.

Nội dung Quy trình sửa đổi chi tiết như sau:

Điều khoản	Quy trình cũ	Quy trình mới	Thuyết minh lý do sửa đổi
III. TÀI LIỆU THAM KHẢO	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp. - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán. - Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH19 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019. - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 	Sửa lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán mới nhất

Điều khoản	Quy trình cũ	Quy trình mới	Thuyết minh lý do sửa đổi
	- Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.	- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.	
S.2.1 Yêu cầu kiểm tra	tại Điểm b, Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Công ty	tại Điểm l, Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Công ty	Sửa lại để phù hợp với Điều lệ Công ty

Thời gian dự kiến ban hành: ngay sau khi được Đại hội thông qua và sửa đổi quy trình, thay thế quy chế trước đó.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Thị Trang

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v về việc ban hành quy trình, quy chế của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua việc ban hành quy trình, quy chế của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chi tiết như sau:

1. Quy trình họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thời gian dự kiến ban hành: ngay sau khi được Đại hội thông qua và thay cho quy trình, quy chế trước đó.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Thị Trang



EUROCAPITAL

Số: 08/2021/TT-ECC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với các nội dung như sau:

1. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

1. Tên cổ phiếu: Công ty Cổ Phần Chứng khoán Eurocapital (ECC)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
6. Giá chào bán cao nhất dự kiến: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
7. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
9. Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2021 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
10. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
11. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 100% (Một trăm phần trăm)
12. Phương thức phân phối: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
13. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu hiện hữu tại ngày chốt danh sách sẽ nhận được 01 (một) cổ phiếu phát hành thêm).
14. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.



15. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất cho các đối tượng khác.

16. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết: Trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc không chuyển nhượng quyền mua, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Lựa chọn bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào theo quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng được cân nhắc sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty và phát triển cho các nghiệp vụ đã được cấp phép;
- Đảm bảo tỷ lệ an toàn hoạt động của Công ty;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thị trường;
- Đáp ứng yêu cầu xin bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

III. UY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thực hiện triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định thời điểm cụ thể thực hiện việc phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông; Quyết định phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có), bao gồm cả việc lựa chọn đối tượng mua lại số cổ phiếu chưa phân phối hết.
- Triển khai và phê duyệt các hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để đăng ký phát hành cổ phiếu; Triển khai và phê duyệt các thủ tục, hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để tiến hành tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật;
- Cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh, bổ sung phương án sử dụng vốn để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty tại thời điểm phát hành;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất.

- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc liên quan đến các vấn đề trên (nếu cần).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Thị Trang



TỜ TRÌNH

(Về bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán)

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (ECC) kính trình Đại hội phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện triển khai bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công ty.
 - + Nghiệp vụ bổ sung: Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
 - + Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2021 sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Triển khai và phê duyệt các thủ tục, hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để xin bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty ghi nhận phần nghiệp vụ bổ sung mới và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất.
- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một số công việc liên quan đến các vấn đề trên (nếu cần).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hà Thị Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT (DỰ THẢO)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BBH-DHĐCĐ ngày 26/04/2021.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 với những chỉ tiêu tài chính cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Tổng tài sản	140.266.597.510
Trong đó	Tài sản ngắn hạn	130.844.611.129
	Tài sản dài hạn	9.421.986.381
2	Vốn chủ sở hữu	139.968.208.570
3	Nợ phải trả	298.388.940

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
4	Doanh thu hoạt động	105.262.743
5	Chi phí hoạt động	745.956.663
6	Doanh thu hoạt động tài chính	416.969.022
7	Chi phí quản lý	4.991.916.619
8	Thu nhập khác	0
9	Chi phí khác	0
10	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.215.641.517)
11	Lợi nhuận kế toán sau thuế	(5.215.641.517)

Điều 5. Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán thực hiện báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo các tiêu chí như sau:

Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty chứng khoán năm 2021.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp, cạnh tranh.
- Đáp ứng tiến độ và quy mô kiểm toán của Công ty.

Điều 6. Thông qua kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021

- Hội Đồng Quản Trị không nhận thù lao trong năm 2021.
- Ban Kiểm Soát không nhận thù lao trong năm 2021.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2021 và thay thế cho Điều lệ cũ.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi và ban hành:

- Sửa đổi Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát;
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Quy trình sửa đổi, quy chế mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2021 và thay thế cho quy trình, quy chế trước đó.

Điều 9. Thông qua việc ban hành:

- Quy trình họp Đại hội đồng cổ đông;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Quy trình, quy chế mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2021 và thay thế cho quy trình, quy chế trước đó.

Điều 10. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu chi tiết như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

1. Tên cổ phiếu: Công ty Cổ Phần Chứng khoán Eurocapital (ECC)
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
6. Giá chào bán cao nhất dự kiến: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
7. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu
9. Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2021 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
10. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
11. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 100% (Một trăm phần trăm)
12. Phương thức phân phối: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
13. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu hiện hữu tại ngày chốt danh sách sẽ nhận được 01 (một) cổ phiếu phát hành thêm).
14. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
15. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất cho các đối tượng khác.
16. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết: Trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc không chuyển nhượng quyền mua, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện như sau:



- Lựa chọn bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào theo quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng được cân nhắc sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty và phát triển cho các nghiệp vụ đã được cấp phép;
- Đảm bảo tỷ lệ an toàn hoạt động của Công ty;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thị trường;
- Đáp ứng yêu cầu xin bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thực hiện triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định thời điểm cụ thể thực hiện việc phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông; Quyết định phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có), bao gồm cả việc lựa chọn đối tượng mua lại số cổ phiếu chưa phân phối hết.
- Triển khai và phê duyệt các hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để đăng ký phát hành cổ phiếu; Triển khai và phê duyệt các thủ tục, hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để tiến hành tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật;
- Cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh, bổ sung phương án sử dụng vốn để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty tại thời điểm phát hành;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất.
- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc liên quan đến các vấn đề trên (nếu cần).

Điều 11. Thông qua bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

- + Nghiệp vụ bổ sung: Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- + Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2021 sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các công việc sau:

- Triển khai và phê duyệt các thủ tục, hồ sơ cần thiết với Ủy ban Chứng khoán nhà nước để xin bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty ghi nhận phần nghiệp vụ bổ sung mới và điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất.
- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một số công việc liên quan đến các vấn đề trên (nếu cần).

Điều 12. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban khác có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hiện hành.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Hà Thị Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL



Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	6
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	7
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	7
Điều 7. Quyền của Công ty.....	8
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	8
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	10
Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG	12
Mục 1 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	12
Điều 10. Vốn điều lệ.....	12
Điều 11. Các loại cổ phần.....	12
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	13
Điều 13. Cổ phiếu.....	13
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 15. Mua lại cổ phần.....	14
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	14
Mục 2 CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	14
Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	14
Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty.....	15
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	17
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.....	18
Chương III QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	19
Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty.....	19
I. Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 28. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
II. Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 32. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 33. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....	34
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	36

III.	Ban Tổng Giám đốc.....	37
Điều 37.	Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	37
Điều 38.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	38
Điều 39.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	38
Điều 40.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc.....	38
IV.	Ban Kiểm soát.....	39
Điều 41.	Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát.....	39
Điều 42.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	40
Điều 43.	Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	42
Điều 44.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên.....	42
Điều 45.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	43
Điều 46.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	43
Chương IV	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 47.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
Điều 48.	Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	44
Điều 49.	Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	44
Điều 50.	Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	45
Chương V	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	46
Điều 51.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Điều 52.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
Chương VI	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	47
Điều 53.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	47
Chương VII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	48
Điều 54.	Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 55.	Năm tài chính.....	48
Điều 56.	Chế độ kế toán.....	48
Chương VIII	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	48
Điều 57.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	48
Điều 58.	Báo cáo thường niên.....	49
Chương IX	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	49
Điều 59.	Kiểm toán.....	49
Chương X	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 60.	Nguyên tắc phân phối lợi nhuận.....	49
Điều 61.	Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	50
Điều 62.	Trích lập các quỹ theo quy định.....	50
Chương XI	ĐẤU CỦA CÔNG TY.....	50
Điều 63.	Đấu của Công ty.....	50
Chương XII	GIẢI THỂ CÔNG TY.....	50
Điều 64.	Gia hạn thời hạn hoạt động.....	50
Điều 65.	Tổ chức lại công ty.....	50
Điều 66.	Giải thể.....	51
Điều 67.	Thanh lý.....	51
Điều 68.	Phá sản.....	52
Chương XIII	SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	52
Điều 69.	Điều lệ Công ty.....	52
Chương XIV	NGÀY HIỆU LỰC.....	52
Điều 70.	Ngày hiệu lực.....	52

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Công ty" là Công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital.
 - b. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty.
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - e. "Người quản lý công ty" bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - h. "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
 - k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
 - l. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó,

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
- b. Tên tiếng Anh: EUROCAPITAL SECURITIES COMPANY.
- c. Tên giao dịch: Eurocapital
- d. Tên viết tắt: ECC

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 80/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 01 năm 2008 theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trụ sở Công ty:

- a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- b. Điện thoại: 0243.218.1895 Fax: 0243.218.1896
- c. Địa chỉ trang web: www.ecsc.vn --- Email: info@ecsc.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

- a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép.
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình.
- c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.
- d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:
 - a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - b. Quyền của người đại diện theo pháp luật:
 - Được đại diện Công ty để thực hiện các giao dịch vì lợi ích của Công ty;
 - Được quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong nội bộ Công ty như tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự;
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
 - c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;
 - Trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - d. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng

lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật, Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, mang lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau, Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - f. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - g. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - h. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - i. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - j. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;

- k. Nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:
- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định);
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
 - d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
 - c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng; Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, Mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
 - e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp



thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến số hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, tế chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- k. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

- l. Quy định đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
 - d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; hoặc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
- j. Các trường hợp các phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
- Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
- c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
- d. Các quy định khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
- c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
- e. Các quy định khác phù hợp với pháp luật hiện hành.



Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

Mục 1 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là: **200.000.000.000** đồng Việt Nam (*đồng chữ: Hai trăm tỷ đồng*).

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **20.000.000 cổ phần**. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.
2. Các loại cổ phần của Công ty:
 - a. Cổ phần phổ thông: 20.000.000 cổ phần;
 - b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
 - c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
 - e. Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần
3. Những người được quyền mua cổ phần ưu đãi: Không có
4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Đặc điểm của các loại cổ phần:
 - a. Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết;
 - b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Một cổ phần ưu đãi biểu quyết có phiếu biểu quyết theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập mới được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;
 - c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần
 - a. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

- b. Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
 - a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập

1. Cổ đông sáng lập là cổ đông góp vốn/mua cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.

2. Các thông tin cơ bản của cổ đông sáng lập:

TT	Tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số CNDKKD/CMND/HC	Quốc tịch	Số cổ phần
	Công ty Cổ phần tập đoàn Eurowindow	TTTT Vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất MeLinh Plaza, Km 8 đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc	1903000269 do Sở KHĐT tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 16/03/2007	Việt Nam	1.350.000
2.	Công ty Cổ phần đầu tư Liên Minh	Tầng 8, Phòng 8.2, 8.3 tòa nhà Etown, số 364 Cộng Hòa, Phường 13 Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	4103003174 do Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/2005	Việt Nam	1.350.000
3.	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Công nghệ cao	Số 30B-C-D Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0103009609 do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 14/10/2005	Việt Nam	750.000
4.	Ngô Chí Dũng	Số 11, đường 1, Khu A, Nam Thành Công, TP Hà Nội	012603070 do CA Hà Nội cấp ngày 07/04/2003	Việt Nam	2.250.000
5.	Phan Hồng Quân	P303-B4 Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	011732577 do CA Hà Nội cấp ngày 07/02/2002	Việt Nam	900.000
6.	Lê Thị Song Lê	514 Đê La Thành, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	011454134 do CA Hà Nội cấp ngày 15/09/2004	Việt Nam	450.000

3. Công ty chứng khoán Eurocapital được thành lập từ năm 2008, vì vậy vào thời điểm thông qua điều lệ này các hạn chế của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty

1. Quyền của cổ đông phổ thông:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - d. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- e. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- l. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - Các quyền khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
- m. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

n. Các quyền khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:

a. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết;

b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 116 Luật Doanh nghiệp.

3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:

a. Nhận cổ tức theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với cổ phần ưu đãi cổ tức;

b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

a. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với cổ phần ưu đãi hoàn lại;

b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền được quy định tại khoản 3, Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Cổ đông phổ thông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

 - a. Tên, Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc Mã số doanh nghiệp, địa chỉ của cổ đông;
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông là tổ chức;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- d. Thời hạn ủy quyền đối với người đại diện theo ủy quyền hoặc thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông là tổ chức; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e. Họ, tên, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông (đối với cổ đông là tổ chức) và của người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.
 5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
 - a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất; bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
 - c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
 - g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ (nếu có); quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp
 - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

- b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm i khoản 1 Điều 18 Điều lệ này;
 - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.
- b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát như quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm i khoản 1 Điều 18 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- f. Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.
 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: trước ngày khai mạc cuộc họp.
2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu: ngay trong phiên khai mạc. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Thông qua chương trình và nội dung họp: ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

CÔNG TY TNHH JSC

6. Công bố kết quả kiểm phiếu: ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc phục tùng các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;

- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
 - h. Các vấn đề khác theo quy định của Công ty.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
6. Phương thức bầu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:

- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này;
- b. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;
- c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- e. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- g. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- i. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 29, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ

đồng, nhóm cổ đông quy định tại điểm l khoản 1 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - h. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua

và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;



- tt. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Xây dựng và thông qua quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho Mục đích này;
 - s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
 - t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
 - u. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:
 - Công ty hoặc Ban lãnh đạo của Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
 - Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát;
 - Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khác hàng;
 - v. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ

trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Quyền được cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin: theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
 - Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây: theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
 - Thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định sau:



- I. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
 - II. Việc kê khai quy định nêu trên phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 32. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị của Công ty có từ 03 đến 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới; thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 33. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Tùy thuộc vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần được bầu mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông (đủ điều kiện) được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử. Việc đề cử sẽ được thực hiện theo quy chế đề cử/bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp số ứng cử viên tự ứng cử hoặc được đề cử thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng cần bầu cử thì số ứng cử viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị đề cử.
2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, gồm có: họ tên ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty;

4. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều này.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - d. Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, người quản lý và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.
 - e. Điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chỉ phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đồng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - m. Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
 5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 của Luật Doanh nghiệp.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

6. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

H
H
K
A
P

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
12. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 32 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Các trường hợp khác theo quy định của Công ty;
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
5. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

III. Ban Tổng Giám đốc

Điều 37. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc (nếu có).
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định phù hợp với pháp luật.
5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
6. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - a. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được trả theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành Mục riêng

AN

trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng.
3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có) Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
4. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có) phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.
2. Có đơn xin từ chức.
3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có) mới thay thế.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán

- bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - f. Yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 41. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì

sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Quyền và nhiệm vụ của Trường Ban kiểm soát như sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:
 - a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
 - e. Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động

binh thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - i. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
 - j. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - k. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Quyền của Ban Kiểm soát:
 - Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Được cung cấp thông tin đầy đủ:
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.
- Được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
- Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

b) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.
 4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 43. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 02 lần. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên tham dự.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
5. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
6. Điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin về những người được đề cử vào Ban Kiểm soát gồm có: họ tên ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điểm m Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Chương IV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp nội bộ khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tài quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 48. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
 - a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
 - b. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 49. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Do công ty quy định.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

W-1 Q:Q: 1/21

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
3. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**Chương VI
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 53. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương VII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng. Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương VIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm

toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương IX KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương X PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Trường hợp cổ tức, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng đó cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
4. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng

1/20
N
SẢN
1/20

khoản khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 61. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 62. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 63. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 64. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để thông qua biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty.
2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ được gia hạn thêm khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên trên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi loại hình Công ty sau khi được UBCK chấp thuận.

2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 66. Giải thể

1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 67. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 68. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

**Chương XIII
SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

Điều 69. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Chương XIV
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XIV Chương 70 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021 và công chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hà Thị Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL**



Hà Nội, Ngày 26 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát.....	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.....	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	7
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 15. Quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát.....	11
Điều 16. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát.....	12
Điều 17. Biên bản họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 18. Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	13
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	13
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm.....	13
Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	15
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.....	15
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành.....	15
Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 25. Sửa đổi và bổ sung Quy chế.....	15
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	15

Căn cứ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Chứng Khoản Eurocapital;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021;
 - Ban kiểm soát ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường (nếu cần).
5. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên Ban kiểm soát.
6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
7. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
8. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- d. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- e. Trường Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;
- f. Điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trường Ban Kiểm soát

- 1. Trường Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 2. Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Ngoài ra, Trường Ban kiểm soát còn có quyền và nghĩa vụ khác như:
 - a. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
 - b. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
 - d. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
 - e. Tổ chức, triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty định kỳ tối thiểu một (01)

lần/năm;

f. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

g. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT



Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản

trị và các cuộc họp khác của Công ty (nếu cần); có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban chứng khoán trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, quy trình kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được



Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong số đối tượng sau:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - Trưởng Ban kiểm soát;
 - Từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
 - Tổng giám đốc;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Người

được ủy quyền phải là một thành viên trong Ban kiểm soát.

3. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban Kiểm soát, các thành viên dự họp bỏ phiếu kín bầu chủ tọa cuộc họp.

4. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do kiểm soát viên thống nhất.

5. Hình thức tổ chức họp có thể là trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet...Việc tham gia cuộc họp thông qua hình thức khác này được coi là cuộc họp chính thức.

6. Thư ký cuộc họp do Ban kiểm soát chỉ định theo từng phiên họp. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền phải gửi thông báo mời họp trước ngày họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ của từng thành viên tham dự họp được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thể tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát (nếu cần). Những đối tượng tham dự cuộc họp này có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 17. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập thành biên bản. Biên bản họp phải được lập bằng Tiếng Việt và phải được các thành viên Ban kiểm soát, thư ký tham dự cuộc họp ký tên và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản.

2. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được gửi đến tất cả các thành viên tham dự sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 18. Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban Kiểm soát

Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
2. Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát (các cuộc họp; thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác (nếu có)...)
3. Kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
5. Các nội dung khác tùy theo tình hình thực tế hàng năm;

Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương,

10/10
GT
HAI
KHC
SPIT
1.1

thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi và bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật, Điều lệ mới Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 chương, 26 điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2021.
2. Các Kiểm soát viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân và bộ phận



liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2021. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



EUROCAPITAL

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN EUROCAPITAL

QUY TRÌNH HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mã số:QT-ECC

Lần ban hành/ sửa đổi:

Ngày ban hành:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Thị Trang

MỤC LỤC

I. MỤC ĐÍCH.....	3
II. PHẠM VI ÁP DỤNG.....	3
III. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	3
IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
4.1 Các từ viết tắt.....	3
4.2 Định nghĩa.....	4
V. NỘI DUNG.....	4
5.1 Lưu đồ.....	4
5.2 Mô tả lưu đồ.....	7
5.2.1 Đề nghị họp ĐHĐCĐ.....	7
5.2.2 Triệu tập họp ĐHĐCĐ.....	8
5.2.3 Tiến hành họp ĐHĐCĐ.....	10
5.2.4 Tiến hành sau cuộc họp ĐHĐCĐ.....	14
5.2.5 Lưu trữ hồ sơ.....	14
VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14

I. MỤC ĐÍCH

Quy trình họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi là “**Quy trình**”) được ban hành nhằm mục đích hướng dẫn thực hiện đầy đủ các bước, từ chuẩn bị đến tổ chức và tiến hành họp đại hội đồng cổ đông, sao cho đầy đủ và hợp pháp...

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Quy trình này được áp dụng cho các cổ đông, nhóm cổ đông, Ban Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, các phòng/ban, cá nhân có liên quan trong tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tại ECC.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH19 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital.
- Trong trường hợp cơ quan Nhà nước hoặc Công ty ban hành văn bản thay thế hoặc có những quy định pháp luật mới thì những quy định pháp luật, văn bản mới đương nhiên được áp dụng và tham khảo.

IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT:

4.1 Các từ viết tắt

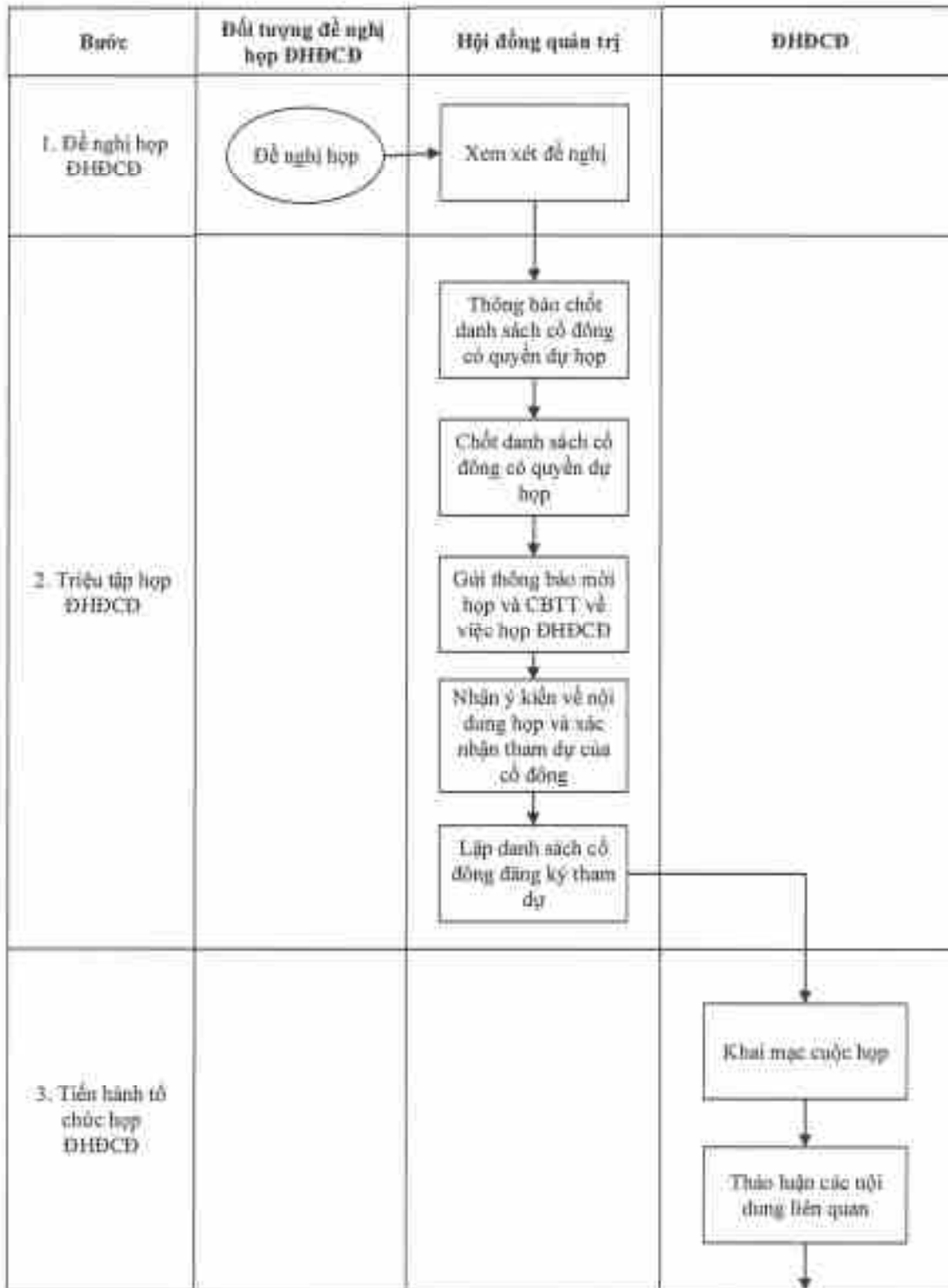
ECC	: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Eurocapital
ĐHĐCĐ	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
HDQT	: Hội Đồng Quản Trị
BKS	: Ban kiểm soát
UBCK	: Ủy Ban Chứng Khoán
SGDCK	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán
CBTT	: Công bố thông tin




4.2 Định nghĩa:

- "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Eurocapital.
- "*Điều lệ Công ty*" là điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- "*Hội đồng quản trị*" là Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
- "*Ban kiểm soát*" là Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
- "*Đại hội đồng cổ đông*" là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
- "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- "*Họp Đại hội cổ đông*" là cuộc họp dành cho các quyền cổ đông trong Công ty. Sự kiện họp này thường được diễn ra mỗi năm một lần hoặc diễn ra bất thường. Mục đích của họp ĐHĐCĐ là để tổng kết tình hình kinh doanh của Công ty, để biểu quyết các chiến lược cũng như kế hoạch phát triển của Công ty trong tương lai, giải quyết các vấn đề phát sinh hoặc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới. Họp ĐHĐCĐ được xem là sự kiện quan trọng, là dịp để các quyền cổ đông có thể trực tiếp trao đổi về mọi vấn đề kinh doanh với những người lãnh đạo doanh nghiệp.

V. NỘI DUNG:

5.1 Lưu đồ:



Bước	Đối tượng đề nghị họp ĐHĐCĐ	Hội đồng quản trị	ĐHĐCĐ
3. Tiến hành tổ chức họp ĐHĐCĐ			 <pre> graph TD A[Biên quyết thông qua các nội dung trình] --> B[Kiểm phiếu] B --> C[Ghi biên bản và thông qua biên bản họp] C --> D[Ban hành Nghị quyết] </pre>
4. Tiến hành sau cuộc họp ĐHĐCĐ		 <pre> graph TD A[CBTT biên bản họp và Nghị Quyết họp] --> B[Gửi biên bản và Nghị quyết sau cuộc họp] </pre>	
5. Lưu trữ hồ sơ		 <pre> graph TD A([Kết thúc]) </pre>	

5.2 Mô tả lưu đồ:

5.2.1 Đề nghị họp ĐHĐCD:

- Người thực hiện: Đối tượng đề nghị họp ĐHĐCD
- Người kiểm tra: Hội đồng quản trị
- Các bước thực hiện:
 - *Đối với họp ĐHĐCD thường niên:* không cần yêu cầu đề nghị họp mà tổ chức định kỳ mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp ĐHĐCD thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - *Đối với họp ĐHĐCD bất thường:* HĐQT căn cứ vào các yêu cầu, đề nghị họp của các cá nhân, đơn vị để tiến hành xem xét, tùy mức độ và nội dung yêu cầu mà HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCD bất thường.
 - Các đối tượng yêu cầu họp ĐHĐCD bất thường bao gồm những nội dung sau:
 - + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - + Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật;
 - + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - + Yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - + Các trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

5.2.2 Triệu tập họp ĐHĐCĐ:

- Người thực hiện: Hội đồng quản trị
- Các bước thực hiện:
 - Đối với họp ĐHĐCĐ bất thường: Thời hạn triệu tập là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu, đề nghị của cổ đông, nhóm cổ đông, BKS.
 - Đối với họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường: HĐQT thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp. Trong thông báo sẽ ghi rõ ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) tham dự đại hội.
 - *Chú ý:*
 - + Trường hợp HĐQT không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ.
 - + Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - + Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- a. *Thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp:*
 - Tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách), HĐQT lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp:
 - + Người sở hữu cổ phần đến ngày chốt sẽ có quyền dự họp và người sở hữu cổ phần sau ngày chốt sẽ không có quyền dự họp;
 - + Danh sách này được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ

sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- + Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.
- b. *Chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp:*
 - Tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách), HĐQT lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp.
- c. *Gửi thông báo mời họp và CBTT về việc họp ĐHĐCĐ:*
 - Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp, tài liệu họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc đồng thời CBTT trên website, UBCK, SGDCK về việc họp ĐHĐCĐ trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
 - + Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - + Tài liệu họp gồm có: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.
- d. *Tiếp nhận ý kiến về nội dung họp và xác nhận tham dự của cổ đông:*
 - HĐQT tiếp nhận ý kiến về nội dung họp và xác nhận tham dự của cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quy định Điều lệ Công ty này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- + Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị và chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- + Nếu kiến nghị được chấp nhận thì sẽ đưa vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- + Người triệu tập họp ĐHĐCĐ được từ chối kiến nghị nếu thuộc các trường hợp sau:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định Điều lệ Công ty;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện cung cấp thông tin ứng viên HĐQT, BKS (nếu bầu lại) trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin ứng viên được công bố tối thiểu bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; các thông tin khác (nếu có).
- e. *Lập danh sách cổ đông đăng ký tham dự:*
 - Trước ngày khai mạc, HĐQT lập danh sách cổ đông đăng ký tham dự.

5.2.3 Tiến hành tổ chức họp ĐHĐCĐ:

- Người thực hiện: Đại hội đồng cổ đông
- Các bước thực hiện:
 - a. *Khai mạc cuộc họp:*
 - Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông (nếu có).
 - Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
 - Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Vào ngày họp ĐHĐCĐ, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành bởi Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông và được tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- Các giấy tờ cần được kiểm tra trước khi đăng ký dự họp: chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và thư ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền)
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp (tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp đã nêu tại Khoản 9, Điều 26 của Điều lệ Công ty.
- Các bước khai mạc Đại hội:
 - + Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự;
 - + Báo cáo kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự và biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
 - + Bầu Ban chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
 - ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại được bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát sẽ điều khiển Đại hội cổ đông bầu chủ tọa.
 - Trường hợp họp ĐHĐCĐ do BKS hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty tổ chức thì Ban kiểm soát hoặc nhóm cổ đông nêu trên bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Ban thư ký có trách nhiệm ghi biên bản Đại hội.
 - ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm các phiếu biểu quyết của các hình thức biểu quyết công khai hay kín.
 - + Chủ tọa phát biểu khai mạc Đại hội.

11/11/2023

- + Thông qua nội quy làm việc tại Đại hội và thể lệ biểu quyết.
- b. *Thảo luận các nội dung liên quan:*
 - ĐHĐCĐ tiến hành thảo luận các nội dung liên quan như:
 - + Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - + Báo cáo tài chính hàng năm;
 - + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - + Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - + Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
 - c. *Biểu quyết thông qua các nội dung trình:*
 - ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình:
 - + Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - + Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 - + ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.
 - Nghị quyết về những nội dung được quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định cụ thể theo Khoản 6 Điều 27 Điều lệ Công ty.
 - Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD thực hiện theo thể thức quy định tại Khoản 7 Điều 27 Điều lệ Công ty.
 - Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp ĐHĐCD
- d. Kiểm phiếu:*
- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải chính xác, đầy đủ nội dung.
- e. Ghi biên bản và thông qua biên bản họp:*
- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Ban thư ký sẽ tiến hành ghi Biên bản họp (hoặc ghi âm) và thông qua Biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCD phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 - Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Các nội dung chủ yếu của biên bản họp được quy định tại Khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty.
 - Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- f. Ban hành Nghị quyết:*
- ĐHĐCD ban hành Nghị quyết. Quyết định của ĐHĐCD có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - Các nghị quyết của ĐHĐCD được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

5.2.4 Tiến hành sau cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Người thực hiện: Hội đồng quản trị
- Các bước thực hiện:
 - a. *CBTT biên bản họp và Nghị quyết:*
 - Công ty có trách nhiệm CBTT lên website, UBCK và SGDCK biên bản họp, Nghị quyết và các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) trong thời hạn 24 giờ;
 - b. *Gửi biên bản và Nghị quyết sau cuộc họp:*
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.
 - Với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu, biên bản họp và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5.2.5 Lưu trữ hồ sơ:

- Người thực hiện: Hội đồng quản trị
- Các bước thực hiện:
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - Thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy trình trước đây.
- Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) phải được ĐHĐCĐ thông qua.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL**

Hà Nội, Ngày 26 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7: Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 12: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	12
Điều 13: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
Điều 16. Nghị quyết của Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG V: BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	17
Điều 18. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	18
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	20
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	20
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	20
Điều 24. Hiệu lực thi hành	20

Căn cứ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

Số: 00000000 / 2021

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty.

Điều 4: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Công ty có từ 03 đến 11 thành viên.
2. Trong số các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu ra 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đảm đương nhiệm vụ thường trực của Hội đồng quản trị tại Công ty, là đầu mối quan hệ và trực tiếp giải quyết công việc hàng ngày của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 33 Điều lệ Công ty.
 - Điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 7: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
 - Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
 - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

- Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty, Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 của Luật Doanh nghiệp.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác quy định của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác quy định của Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

H. 27/2020/Đ. 1/20

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông

để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên ngày tháng năm sinh ứng viên;
 - Trình độ chuyên môn của ứng viên;
 - Quá trình công tác của ứng viên;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác) của ứng viên;
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy



định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có) sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Xây dựng và thông qua quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho Mục đích này;
 - Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
 - Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
 - Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
 - Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc thực hiện một số trách nhiệm, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong một thời gian xác định.
 - Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông, và dựa trên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu, kế hoạch cho Tổng Giám đốc.
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cuộc họp khác của Công ty (nếu cần); có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 - Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp; có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát như quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;

11/01/2019

- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường;
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại địa chỉ đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp khác phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Thư ký cuộc họp do Hội đồng quản trị chỉ định theo từng phiên họp. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với

Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
8. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
9. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu cần). Ngoài những đối tượng đã nêu, Hội đồng quản trị có thể quyết định mời những người khác trong Công ty dự họp. Tất cả đều có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước

11/2021

khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty.
2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp phải được các thành viên Hội đồng quản trị, thư ký tham dự cuộc họp ký tên và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác nội dung.
5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.
6. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến tất cả các thành viên tham dự sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 16. Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị đã được các thành viên dự họp thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Nghị quyết/quyết định có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết/quyết định đó.
3. Tùy từng nội dung trong nghị quyết/quyết định mà Công ty công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

4. Nghị quyết/quyết định được gửi cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, và các phòng/ban, cá nhân có liên quan để thực hiện hoặc phối hợp thực hiện, theo dõi và giám sát việc thực hiện.

CHƯƠNG V: BẢO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho

từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- 3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

11/11/2024

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật, Điều lệ mới Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm 07 chương, 24 điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2021.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cá nhân và bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2021. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Thị Trang





EUROCAPITAL

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Mã số:/QT-ECC

Lần ban hành/ sửa đổi:

Ngày ban hành:

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Mỹ Trang



MỤC LỤC

I. MỤC ĐÍCH.....	3
II. PHẠM VI ÁP DỤNG.....	3
III. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	3
IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT:.....	3
4.1 Các từ viết tắt:.....	3
4.2 Định nghĩa:.....	4
V. NỘI DUNG.....	4
5.1 Lưu đồ:.....	4
5.2 Mô tả lưu đồ:.....	6
5.2.1 Yêu cầu kiểm tra:.....	6
5.2.2 Xem xét yêu cầu:.....	6
5.2.3 Lập kế hoạch:.....	7
5.2.4 Thực hiện kế hoạch:.....	8
5.2.5 Lập biên bản:.....	8
5.2.6 Báo cáo kết quả:.....	9
5.2.7 Lưu trữ hồ sơ:.....	10
VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10

I. MỤC ĐÍCH

Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát (sau đây gọi là "**Quy trình**") được ban hành nhằm mục đích hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm soát, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính... đồng thời kiểm tra việc chấp hành điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định từ các phòng/ban đã đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định hay chưa.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Quy trình này được áp dụng cho các thành viên, trưởng ban Ban kiểm soát, các phòng/ban có liên quan trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát tại ECC.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH19 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Eurocapital.
- Trong trường hợp cơ quan Nhà nước hoặc Công ty ban hành văn bản thay thế hoặc có những quy định pháp luật mới thì những quy định pháp luật, văn bản mới đương nhiên được áp dụng và tham khảo.

IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT:

4.1 Các từ viết tắt

	QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT
---	--

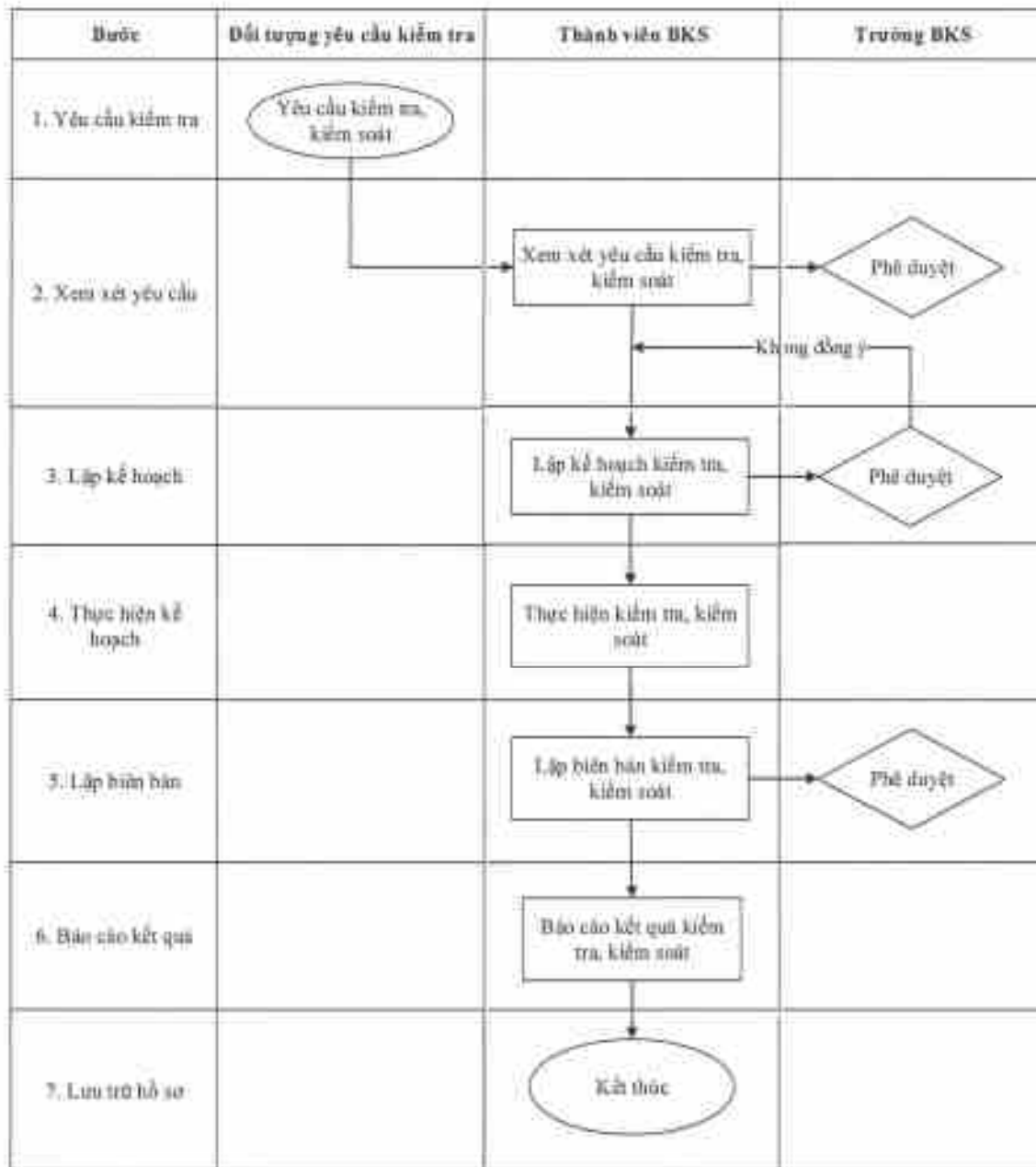
ECC	: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Eurocapital
ĐHĐCĐ	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
HDQT	: Hội Đồng Quản Trị
BKS	: Ban kiểm soát
TGD	: Tổng Giám Đốc
UBCK	: Ủy Ban Chứng Khoán
SGDCK	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán
UBGSTC	: Ủy Ban Giám Sát Tài Chính
TTLKCK	: Trung tâm Lưu Ký Chứng Khoán

4.2 Định nghĩa:

- "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Eurocapital.
- "*Điều lệ Công ty*" là điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- "*Hội đồng quản trị*" là Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
- "*Ban Tổng giám đốc*" là Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
- "*Ban kiểm soát*" là Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Eurocapital.
- "*Đại hội đồng cổ đông*" là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
- "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

V. NỘI DUNG:

5.1 Lưu đồ:



5.2 Mô tả lưu đồ:

5.2.1 Yêu cầu kiểm tra:

- Người thực hiện: Đối tượng yêu cầu kiểm tra
- Các bước thực hiện:
 - Ban kiểm soát căn cứ vào các yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của các đơn vị để tiến hành việc kiểm tra, kiểm soát đột xuất hoặc định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động của ECC.
 - Những đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát bao gồm:
 - + Yêu cầu từ cổ đông, nhóm cổ đông được quy định tại Điểm 1, Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Công ty;
 - + Yêu cầu từ Cơ quan quản lý nhà nước như: UBCK, SGDCK, UBGSTC, TTLKCK, Cơ quan Thuế...;
 - + Yêu cầu từ Ban Tổng Giám Đốc, Hội đồng quản trị Công ty;
 - + Yêu cầu từ Ban kiểm soát;
 - + Các yêu cầu quản lý khác

5.2.2 Xem xét yêu cầu:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Người phê duyệt: Trưởng Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:
 - Các thành viên BKS căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và các văn bản quy định khác xem xét các nội dung trong yêu cầu kiểm tra, kiểm soát.
 - Nếu nội dung yêu cầu kiểm tra, kiểm soát đã được công bố rộng rãi theo quy định công bố thông tin của Cơ quan quản lý nhà nước đối với Công ty, thành viên BKS trình Trưởng BKS ban hành thông báo về các nội dung yêu cầu đã được công bố tới đối tượng yêu cầu.
 - Nếu các nội dung yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chưa được công bố rộng rãi theo quy định công bố thông tin đối với Công ty thì BKS tiến hành họp để xác định phạm vi, thẩm quyền về các nội dung theo yêu cầu kiểm tra, kiểm soát tại Bước 5.2.1 và chuẩn bị các nội dung có liên quan khác trình Trưởng BKS xem xét.

- Trường BKS có thể xin ý kiến bằng văn bản gửi tới HĐQT Công ty về các nội dung yêu cầu kiểm tra, kiểm soát được nêu tại Bước 5.2.1 trước khi thực hiện việc quyết định kiểm tra, kiểm soát.
- Trường BKS sau khi xem xét yêu cầu thấy được việc kiểm tra, kiểm soát là hợp lý, cần thiết hoặc đã được chấp thuận từ phía HĐQT thì sẽ yêu cầu thành viên BKS lập kế hoạch kiểm tra.

5.2.3 Lập kế hoạch:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Người phê duyệt: Trưởng Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:
 - Các thành viên BKS căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và các văn bản quy định khác lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trình Trưởng BKS để phê duyệt kế hoạch kiểm tra, kiểm soát.
 - Nếu nội dung kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chưa phù hợp với yêu cầu kiểm tra tại Bước 5.2.1 và việc thẩm định tại Bước 5.2.2, Trưởng BKS không đồng ý và có thể yêu cầu các thành viên BKS hoàn thiện lại kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoặc tổ chức cuộc họp trong BKS thống nhất kế hoạch kiểm tra, kiểm soát.
 - Nếu Trưởng BKS phê duyệt nội dung kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thì Trưởng BKS có trách nhiệm thông báo kế hoạch kiểm tra cho HĐQT, TGD công ty.
 - Trường BKS có thể xin ý kiến gửi tới HĐQT về các nội dung, thời hạn, thời gian kiểm tra và thành phần đoàn kiểm tra trước khi thực hiện việc thông báo chính thức cho Công ty. Tuy nhiên, đối với các yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban kiểm soát lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
 - Quyết định/Thông báo kiểm tra, kiểm soát có thể được gửi tới Công ty bằng email, fax hoặc trực tiếp bằng văn bản.
 - Ngoại trừ việc kiểm tra đột xuất hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, thời gian kiểm tra, kiểm soát của BKS cần được sự thống nhất với Công ty nhằm đảm bảo việc kiểm tra, kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

1/1/2024
1/1/2024
1/1/2024

5.2.4 Thực hiện kế hoạch:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:
 - BKS căn cứ vào các nội dung yêu cầu kiểm tra để tiến hành các công việc kiểm tra, kiểm soát,
 - BKS căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, và các văn bản pháp lý khác theo quy định của Pháp luật thực hiện các thủ tục kiểm tra theo đúng trình tự, đầy đủ, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của BKS đã được quy định.
 - Trong quá trình kiểm tra, kiểm soát tùy thuộc vào tình hình thực tế BKS có thể thay đổi, bổ sung nội dung kiểm tra, kiểm soát. Tuy nhiên việc thay đổi nội dung kiểm tra, kiểm soát cần phải được thông báo tới HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.
- Các nội dung kiểm tra, kiểm soát cơ bản bao gồm:
 - + Chuẩn bị kiểm tra, kiểm soát:
 - Thu thập các số liệu cần thiết liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm tra
 - Chọn mẫu các hồ sơ, chứng từ để thực hiện việc kiểm tra
 - Gửi yêu cầu cung cấp hồ sơ cho đơn vị được kiểm tra
 - + Thực hiện kiểm tra, kiểm soát:
 - rà soát các hồ sơ, chứng từ đối chiếu với các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, các văn bản, quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.
 - Tiêu chí kiểm soát, kiểm tra: kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và các quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty và các quy định khác của Nhà nước.
 - Trong quá trình kiểm tra, BKS phải tập hợp tất cả các phát hiện (sai sót, nghi vấn, rủi ro tiềm ẩn...(nếu có)) thành biên bản kiểm tra sơ bộ.

5.2.5 Lập biên bản:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Người phê duyệt: Trưởng Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:

- Sau khi kết thúc công việc kiểm tra, kiểm soát, BKS sẽ thống nhất các nội dung kiểm tra, kiểm soát.
- Thành viên BKS lập biên bản kiểm tra, kiểm soát và có sự phê duyệt từ Trưởng BKS
- Trưởng BKS hoặc đại diện Đoàn kiểm tra, kiểm soát sẽ tiến hành họp và trình bày kết quả công tác kiểm tra, kiểm soát theo các nội dung kiểm tra, kiểm soát đã thông báo đối với Công ty.
- Trong trường hợp BKS và đại diện Công ty thống nhất về kết quả kiểm tra, kiểm soát các bên ký biên bản kiểm tra, kiểm soát.
- Trong trường hợp Công ty không thống nhất với những ý kiến nhận xét của BKS về các kết quả kiểm tra, Công ty có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản tới BKS. Các ý kiến giải trình của Công ty có thể được đề cập vào biên bản kiểm tra hoặc được đính kèm trong biên bản kiểm tra của BKS.
- Biên bản kiểm tra phải có chữ ký của đại diện các bên và được lưu trữ tại BKS và Công ty đồng thời được gửi tới HĐQT Công ty để biết và theo dõi.

5.2.6 Báo cáo kết quả:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:
 - Sau khi biên bản kiểm tra, kiểm soát đã được ký kết, BKS soát căn cứ vào biên bản kiểm tra, kiểm soát có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát gửi tới đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát tại Bước 5.2.1 (ngoại trừ việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ).
 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, kiểm soát tối thiểu phải có những thông tin sau:
 - + Các thông tin cơ bản giới thiệu tình hình hoạt động của đơn vị;
 - + Các tồn tại (nếu có) được phát hiện sau kiểm tra;
 - + Xác định nguyên nhân của các tồn tại;
 - + Các đề xuất (nếu có) của BKS nhằm mục đích khắc phục tồn tại.
 - Đối với yêu cầu kiểm tra, kiểm soát từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban kiểm tra phải báo cáo trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.
 - Đối với yêu cầu kiểm tra, kiểm soát từ cơ quan quản lý nhà nước: Ban kiểm soát phải báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu.

	QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT
---	--

- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.2.7 Lưu trữ hồ sơ:

- Người thực hiện: Thành viên Ban kiểm soát
- Các bước thực hiện:
 - BKS và Công ty lưu 01 bản gốc biên bản kiểm tra, kiểm soát và các hồ sơ, chứng từ cần thiết liên quan đến biên bản kiểm tra, kiểm soát.
 - BKS lưu 01 bản gốc báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, kiểm soát (nếu có) và các hồ sơ liên quan.
 - Đơn vị được kiểm tra lưu 01 bản gốc biên bản kiểm tra, kiểm soát để theo dõi, khắc phục theo đề xuất của BKS.
 - Thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy trình trước đây.
- Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) phải được ĐHĐCĐ thông qua.